ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Số: 39 /QĐ-ĐHKTCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên hệ Đại học chính quy tập trung dài hạn
Học kỳ 2 năm học 2016 – 2017
(Từ tháng 2/2017 đến tháng 6/2017)

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ nghị định số 31/CP ngày 4/4/1994 của chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông tư 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 10 năm 2015 về việc ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 về quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ vào kết quả xét hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên hệ chính quy dài hạn học kỳ 2 năm học 2016 – 2017;

Theo đề nghị của Phó Trưởng phòng Công tác HSSV và Trưởng phòng Kế hoạch tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cấp hỗ trợ chi phí học tập tại học kỳ II năm học 2016 - 2017 cho 276 sinh viên.*(có danh sách kèm theo)*

Mức trợ cấp 726.000đ/01 tháng đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo:

276 SV x 726.000đ x 5 tháng = 1.001.880.000đ

Số tiền bằng chữ: *Một tỷ không trăm linh một triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.*

Điều 2. Phó Trưởng phòng Công tác HSSV, Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính, các đơn vị có liên quan và những HSSV thuộc đối tượng ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, CTHSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

PGS.TS. Trần Xuân Minh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2016 - 2017

(Kèm theo QĐ số: 39 /QĐ -ĐHKTCN ngày 15 tháng 5 năm 2017)

TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức HT/ 01 tháng	Số tháng	Thành tiền	Ghi chú
1	K125520201064	Nguyễn Thị	Tuyến	K48HTĐ.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
2	K125520201082	Linh Thị	Chinh	K48KTĐ.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
3	K125520201040	Phổng Chàn	Phin	K48KTĐ.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
4	K125520214004	Ma Anh	Quý	K48KTĐ.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
5	K125520216100	Mai Hồng	Phương	K48TĐH.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
6	K125520216115	Lê Xuân	Bình	K48TĐH.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
7	K125520216090	Nguyễn Văn	Đức	K48TĐH.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
8	K125520201277	Đinh Văn	Phong	K48TBĐ.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
9	K125520201012	Hoàng Văn	Cạnh	K48TBĐ.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
10	K125520201263	Lường Văn	Huy	K48TBĐ.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
11	K135520201087	Diệp Văn	Hùng	K49HTĐ.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
12	K135520201094	Lư Huy	Hoàng	K49HTĐ.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
13	K135520201199	Thào A	Cở	K49HTĐ.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
14	K135520201295	Triệu A	Pù	K49HTĐ.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
15	K135520201118	Thào A	Tủa	K49HTĐ.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
16	K135520201058	Lý Mạnh	Tiến	K49KTĐ.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
17	K135520201060	Hồ Thị	Trang	K49KTĐ.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
18	K135520201074	Hoàng Anh	Chiến	K49KTĐ.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
19	K135520201064	Hoàng Thanh	Vinh	K49KTĐ.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
20	K135520201091	Hoàng Mạnh	Hưng	K49KTĐ.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
21	K135520201160	Nguyễn Thị	Ly	K49KTĐ.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
22	K135520201180	Đỗ Thị	Thanh	K49KTĐ.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
23	K135520201189	Đào Minh	Tuấn	K49KTĐ.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
24	K135520201207	Ngô Văn	Đức	K49KTĐ.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
25	K135520201173	Chu Văn	Sơn	K49KTĐ.02	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
26	K135520201182	Nông Thị	Thoa	K49KTĐ.02	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
27	K135520201210	Phạm Thanh	Hà	K49KTĐ.03	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
28	K135520201247	Nguyễn Văn	Toàn	K49KTĐ.03	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
29	K135520216006	Hoàng ánh	Dương	K49TĐH.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
30	K135520216037	Hoàng Văn	Nhị	K49TĐH.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
31	K135520216032	Lục Thị	Lanh	K49TĐH.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
32	K135520216077	Ngô Văn	Hiếu	K49TĐH.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
33	K135520216080	Hoàng Thị	Hoài	K49TĐH.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	

34	K135520216095	Lý Văn	Ngân	K49TĐH.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
35	K135520216119	Trần Thị	Tuyên	K49TĐH.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
36	K135520216086	Lộc Thị Mỹ	Linh	K49TĐH.02	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
37	K135520216156	Nguyễn Văn	Mạnh	K49TĐH.03	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
38	K135520216159	Hoàng Văn	Nghĩa	K49TĐH.03	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
39	K135520216165	Diệp Văn	Sinh	K49TĐH.03	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
40	K135520216171	La Thị	Thủy	K49TĐH.03	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
41	K135520216175	Lưu Đình	Tuất	K49TĐH.03	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
42	K135520216155	Trương Văn	Lập	K49TĐH.03	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
43	K135520216249	Trần Văn	Phi	K49TĐH.04	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
44	K145520201182	Vũ Văn	Giang	K50HTĐ.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
45	K145520201006	Lý Trung	Đức	K50KTĐ.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
46	K145520201011	Lý Văn	Cương	K50KTĐ.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
47	K145520201019	Ngô Thị Linh	Hương	K50KTĐ.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
48	K145520201071	Lý Tiến	Thành	K50KTĐ.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
49	K145520201248	Vũ Mạnh	Hùng	K50KTĐ.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
50	K145520201031	Trần Thị Khánh	Hòa	K50KTĐ.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
51	K145520201163	Lăng Quang	Vũ	K50KTĐ.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
52	K145520201124	Nguyễn Đức	Mạnh	K50KTĐ.02	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
53	K145520216121	Nguyễn Văn	Tuân	K50TĐH.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
54	K145520216130	Tàng Văn	Thịnh	K50TĐH.02	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
55	K145520103262	Lý Hồng	Loan	K50TĐH.03	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
56	K145520216171	Đàm Hoàng	Nam	K50TĐH.03	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
57	K155520201076	Lý Thị Phương	Hà	K51HTĐ.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
58	K155520201080	Diệp Văn	Hòa	K51KTĐ.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
59	K155520201083	Hoàng Thị	Huệ	K51KTĐ.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
60	K155520201208	Lăng Tú	Khanh	K51KTĐ.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
61	K155520201225	Đào Duy	Thanh	K51KTĐ.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
62	K155520201221	Trần Thị	Quế	K51KTĐ.02	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
63	K155520216006	Phùng Minh	Chí	K51TĐH.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
64	K155520216046	Lương Văn	Sơn	K51TĐH.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
65	K155520216273	Lường Thị	Định	K51TĐH.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
66	K155520216071	Chu Thị	ánh	K51TĐH.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
67	K155520216116	Dương Trọng	Tấn	K51TĐH.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
68	K155520216184	Lâm Thị	Thao	K51TĐH.03	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
69	K155520216252	Bùi Văn	Thịnh	K51TĐH.04	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
70	K165520201154	Hoàng Trung	Hiếu	K52ĐĐT.03	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
71	K165520201195	Bùi Công	Tùng	K52ĐĐT.03	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
72	K165520216067	Dương Thị	Châm	K52ĐKT.02	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	

73	K165520216154	Lưu Quang	Minh	K52ĐKT.03	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
74	K165520216156	Lý Thị Bích	Ngọc	K52ĐKT.03	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
75	K165520216182	Trần Xuân	Bảo	K52ĐKT.04	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
76	K165520216202	Tạ Thu	Hương	K52ĐKT.04	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
77	K165520216237	Giàng Thị	Máy	K52ĐKT.05	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
78	K165520216238	Vi Thị	Trang	K52ĐKT.05	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
79	K125520216056	Nguyễn Ngọc	Sơn	K48ĐĐK.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
80	K125520207011	Hoàng Thị	Hậu	K48ĐVT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
81	K125520207066	Lâm Văn	Hoàn	K48ĐVT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
82	K125520114028	Nông Văn	Long	K48CĐT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
83	K125520114029	Đinh Việt	Mỹ	K48CĐT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
84	K125520114049	Trình Anh	Tuấn	K48CĐT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
85	K125520114007	Sầm Văn	Công	K48CĐT.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
86	K125520114032	Nguyễn Thị	Niên	K48CĐT.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
87	K125520114063	Triệu Xuân	Anh	K48CĐT.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
88	K125520207001	Lâm Việt	Đại	K48KĐT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
89	K125520207010	Hoàng Thị	Hảo	K48KĐT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
90	DTK1151030042	Hoàng Thị	Quỳnh	K48KĐT.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
91	K125520207039	Phùng Đức	Đạt	K49ĐVT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
92	K125520207115	Vi Văn	Bộ	K49ĐVT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
93	K135520207007	Nguyễn Đình	Đạm	K49ĐVT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
94	K135520207054	Nông Đức	Cảnh	K49ĐVT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
95	K125520207122	Sùng Thị	Xú	K49ĐVT.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
96	K135520207060	Hoàng Ngọc	Hà	K49ĐVT.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
97	K135520114009	Hoàng Văn	Chuyền	K49CĐT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
98	K135520114042	Từ Văn	Sáng	K49CĐT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
99	K135520114098	Hà Mạnh	Quân	K49CĐT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
100	K135520114048	Nguyễn Thị	Thuyết	K49CĐT.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
101	K125520207116	Hoàng Thanh	Sơn	K49KĐT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
102	K135520207069	Lục Thị	Hiền	K49KĐT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
103	K135520207077	Phùng Thị	Miên	K49KĐT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
104	K135520207090	Nông Văn	Thọ	K49KĐT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
105	K135520207005	Triệu Ngọc	Dính	K49KĐT.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
106	K135520207019	Vi Thị	Hợi	K49KĐT.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
107	K135520207073	Bế Thị	Khuyên	K49KĐT.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
108	K135520214031	Quách Công	Huy	K49KMT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
109	K135520214005	Nguyễn Văn	Hiếu	K49KMT.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
110	K145520207151	Chu Thanh	Hiền	K50ĐVT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
111	K145520207073	Quàng Văn	Kháng	K50ĐVT.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	

112	K145520207106	Lường Thị	Yến	K50ĐVT.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
113	K145520114021	Hoàng Ngọc	Kiên	K50CĐT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
114	K145520114045	Hoàng Minh	Tâm	K50CĐT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
115	K145520114061	Lâm Hồng	Thuyên	K50CĐT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
116	K145520207016	Lăng Thị	Hiển	K50KĐT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
117	K145520207051	Hoàng Thị	Trang	K50KĐT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
118	K145520207078	Trần Văn	Lý	K50KĐT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
119	K145520207121	Đặng Thị ánh	Hồng	K50KĐT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
120	K145520207004	Nông Thị	Chang	K50KĐT.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
121	K145520214011	Hoàng Mạnh	Trường	K50KMT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
122	K155520207081	Hoàng Văn	Hùng	K51ĐVT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
123	K155520103318	Phạm Văn	Tú	K51CĐT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
124	K155520114041	Mông Văn	Quang	K51CĐT.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
125	K155520114077	Nông Tiến	Điệp	K51CĐT.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
126	K155520114100	Lăng Văn	Lộc	K51CĐT.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
127	K155520114123	Hứa Tiên	Tiến	K51CĐT.02	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
128	K155520207003	Hồ Thị Ngọc	ánh	K51KĐT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
129	K155520207119	Hoàng Thị	Huyền	K51KĐT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
130	K155520214002	Đinh Văn	Dũng	K51KMT.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
131	K165520207030	Lâm Văn	Thế	K52ĐTT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
132	K165520207032	Lục Văn	Toản	K52ĐTT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
133	K165520114003	Hoàng Tuấn	Anh	K52CĐT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
134	K165520114058	Đặng Văn	Thành	K52CĐT.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
135	K165520114084	Lý Văn	Dũng	K52CĐT.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
136	K165520114113	Mông Chí	Lương	K52CĐT.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
137	K165520114139	Lý Văn	Trọng	K52CĐT.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
138	K125520103181	Triệu Tiến	Dũng	K48CCM.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
139	K125520103303	Hoàng Văn	Quyết	K48CCM.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
140	K125520103216	Phạm Văn	Thọ	K48CCM.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
141	K125520103401	Lục Văn	Tùng	K48CCM.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
142	K125520103366	Liễu Văn	Lộc	K48CLK.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
143	K125520103172	Hoàng Văn	Vũ	K48KCK.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
144	K125520103207	Hoàng Văn	Nhớ	K48KCK.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
145	K135520103040	Hoàng Văn	Nam	K49CCM.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
146	K135520103054	Dương Văn	Thắng	K49CCM.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
147	K135520103105	La Văn	Khang	K49CCM.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
148	K135520103123	Hoàng Văn	Thái	K49CCM.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
149	K135520103217	Hoàng Anh	Tuấn	K49CCM.03	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
150	K135520103218	Lương Văn	Tuynh	K49CCM.03	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	

151	K135520103224	Linh Văn	Công	K49CCM.03	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
152	K135520103268	Phan Văn	Tạ	K49CCM.03	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
153	K135520103219	Ma Công	Vương	K49CCM.03	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
154	K135520103362	Triệu Văn	Việt	K49CCM.04	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
155	K125520103167	Lục Quảng	Trường	K49KGT.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
156	K135520103003	Lại Văn	Bảo	K49KTK.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
157	K135520103005	Lê Văn Lương	Chí	K49KTK.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
158	K135520103015	Nịnh Văn	Giang	K49KTK.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
159	K135520103046	Hoàng Liên	Sơn	K49KTK.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
160	K135520103060	Lý Ngọc	Tú	K49KTK.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
161	K135520103445	Triệu Tuấn	Vũ	K49KTK.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
162	K135520103113	Nông Văn	Năng	K49KTK.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
163	K145520103005	Hoàng Tuấn	Anh	K50CCM.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
164	K145520103006	Lục Sỹ	Bảo	K50CCM.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
165	K145520103061	Lục Văn	Tuấn	K50CCM.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
166	K145520103037	Lâm Văn	Mai	K50CCM.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
167	K145520103092	Giàng A	Giống	K50CCM.02	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
168	K145520103101	Hoàng Văn	Hòa	K50CCM.02	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
169	K145520103309	Đàm Văn	Hưng	K50CCM.03	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
170	K145520103213	Nông Thẩm	Tuấn	K50CCM.03	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
171	K145520103240	Hoàng Văn	Dương	K50CCM.04	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
172	K145520103285	Nguyễn Anh	Tú	K50CCM.04	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
173	K145520103282	Chu Thanh	Tùng	K50CCM.04	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
174	K145520309007	Lộc Văn	Quỳnh	K50CVL.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
175	K145520309017	Nguyễn Thành	Đăng	K50CVL.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
176	K145520309032	Hoàng Văn	Ly	K50CVL.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
177	K145520309040	Triệu Văn	Bính	K50CVL.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
178	K145520309022	Lâm Văn	Duy	K50CVL.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
179	K155520103058	Hoàng Thanh	Thượng	K51KC.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
180	K155520103108	Phó Đình	Long	K51KC.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
181	K155520103138	Bùi Văn	Tùng	K51KC.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
182	K155520103130	Hoàng Văn	Toàn	K51KC.02	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
183	K155520103159	Dương Văn	Dương	K51KC.03	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
184	K155520103185	Hoàng Văn	Pao	K51KC.03	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
185	K155520103199	Triệu Văn	Thực	K51KC.03	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
186	K155520103310	Nông Thị	Tâm	K51KC.05	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
187	K165520103068	Bùi Duy	Bình	K52KC.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
188	K165520103096	Lương Văn	Luân	K52KC.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
189	K165520103101	Ma Viết	Ngọc	K52KC.02	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	

190	K165520103203	Nguyễn Văn	Dương	K52KC.04	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
191	K165520103246	Trần Văn	Trọng	K52KC.04	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
192	K165520103249	Nguyễn Văn	Tuân	K52KC.04	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
193	K165520103250	Hoàng Anh	Tuấn	K52KC.04	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
194	K165520103263	Lục Văn	Dần	K52KC.05	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
195	K135510604022	Lý Thu	Huyền	K49KTN.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
196	K135510604075	Vi Thị	Linh	K49KTN.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
197	K135510604015	Hoàng Thị	Hiền	K49QTN.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
198	K135510604089	Lăng Thu	Thảo	K49QTN.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
199	K135510604140	Hà Thị	Nở	K50KTN.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
200	K145510604059	Lăng Thị	Mơ	K50KTN.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
201	K145510601015	Hoàng Thị	Ngọc	K50QLC.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
202	K145510601013	Dương Đức	Mạnh	K50QLC.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
203	K145510601037	Nông Thị	Hường	K50QLC.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
204	K155510601004	Triệu Thị	Quyến	K51KTN.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
205	K155510604007	Lê Thành	Giang	K51KTN.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
206	K155510604011	Phùng Văn	Hoàng	K51KTN.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
207	K165510604003	Lương Thị	Huế	K52KTN.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
208	K125520103094	Đặng Anh	Quân	K1 CN-KTO.01 (	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
209	K145510205018	Nguyễn Thành	Chung	K2 CN-KTO.01 (	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
210	K145510205055	Nông Minh	Thượng	K2 CN-KTO.01 (	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
211	K145510205079	Lương Trung	Hoàng	K2 CN-KTO.01 (	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
212	K145510205031	Sầm Văn	Lương	K2 CN-KTO.01 (	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
213	K145510205052	Lò Văn	Tính	K2 CN-KTO.01 (	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
214	K125520103162	Vi Văn	Thịnh	K48CĐL.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
215	K125520103198	Phạm Quang	Huy	K48CĐL.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
216	K125520103203	Lương Văn	Mai	K48CĐL.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
217	K125520103211	Hà Minh	Sơn	K48CĐL.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
218	K125520103339	Vy Văn	Đường	K48CĐL.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
219	K135520103267	Hoàng Ngọc	Sơn	K49CĐL.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
220	K125520103337	Tống Văn	Đông	K49CĐL.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
221	K135520103118	Lao Văn	Nguyên	K49CĐL.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
222	K145520103209	Lý Văn	Tú	K50CĐL.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
223	K145905228012	Hoàng Minh	Thắng	K50CĐL.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
224	K145520103272	Viên Văn	Nhượng	K50CĐL.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
225	K155510205007	Nông Mạnh	Cường	K51CN- KTO.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
226	K155510205034	Phùng Đức	Mạnh	K51CN- KTO.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
227	K155510205048	Mông Chí	Thi	K51CN- KTO.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
228	K155510205068	Lăng Văn	Thận	K51CN- KTO.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	

229	K155510205061	Lường Thanh	Tuyên	K51CN- KTO.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
230	K165510205014	Dương Quang	Đạt	K52CN-KTO.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
231	K165510205026	Lý Tuấn	Hữu	K52CN-KTO.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
232	K125520216217	Phạm Tuấn	Anh	K48AP.I	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
233	K145905218006	Đàm Xuân	Duy	K50AP.M	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
234	K145520114070	Đặng Quốc	Cường	K50AP.I	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
235	K145510301012	Bùi Duy	Nghĩa	K2 CN-ĐĐT.01 (	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
236	K145510301077	Nguyễn Văn	Duệ	K2 CN-ĐĐT.02 (	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
237	K145510301094	Nông Ngọc	Huy	K2 CN-ĐĐT.02 (	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
238	K145510301095	Trần Văn	Huynh	K2 CN-ĐĐT.02 (	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
239	K145510301102	Nông Ngọc	Quyến	K2 CN-ĐĐT.02 (	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
240	K145510301091	Nông Thị	Hoa	K2 CN-ĐĐT.02 (	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
241	K145510301110	Lục Văn	Thạo	K2 CN-ĐĐT.02 (	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
242	K145510202003	Nông Văn	Hà	K2 CN-CTM.01 (	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
243	K125140214014	Bùi Hoàng	Mai	K49SKĐ.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
244	K125140214020	Đồng Thị Ngọc	ánh	K49SKĐ.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
245	K155510202010	Giàng A	Phương	K51CN-CTM.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
246	K165510301022	Hoàng Duy	Khiêm	K52CN-ĐĐT.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
247	K125520320055	Nguyễn Thiên	Thu	K48KTM.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
248	K125520320070	Hoàng Minh	Chiến	K48KTM.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
249	K125520320029	Nguyễn Tô	Hoàng	K48KTM.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
250	K125520320042	Trương Văn	Quản	K48KTM.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
251	K125520320060	Lương Minh	Trang	K48KTM.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
252	K125580201014	Vy Văn	Hải	K48KXC.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
253	K125580201027	Mông Quang	Huy	K48KXC.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
254	K125580201057	Hoàng Văn	Thiệp	K48KXC.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
255	K125580201106	Ma Quốc	Hưng	K48KXC.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
256	K125580201008	Triệu Xuân	Dũng	K48KXC.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
257	K125580201167	Dương Văn	Hà	K48KXC.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
258	K125580205033	Hứa Quang	Thảo	K48KXG.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
259	K125580205012	Bàn Hữu	Quốc	K48KXG.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
260	K135520320024	Ma Văn	Hợi	K49KTM.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
261	K135520320035	Nguyễn Thị	Huyền	K49KTM.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
262	K135520320037	Giàng Seo	Lâu	K49KTM.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
263	K135520103082	Lê Văn	Duy	K49KXC.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
264	K135580201011	Nguyễn Đình	Đắc	K49KXC.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
265	K135580201035	Hoàng Văn	Phúc	K49KXC.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
266	K135580201037	Lô Văn	Tâm	K49KXC.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
267	K135580201043	Sình A	Trống	K49KXC.01	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	

268	K135580201056	Trần Văn	Bảo	K49KXC.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
269	K135580201063	Hoàng Thanh	Duy	K49KXC.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
270	K135580201065	Triệu Đình	Đề	K49KXC.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
271	K135580201074	Bàn Văn	Hiển	K49KXC.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
272	K135580201098	Ma Văn	Tuân	K49KXC.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
273	K135580201160	Đào Thị	Thư	K49KXC.02	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
274	K135580201081	Phạm Đức	Luận	K49KXC.02	HNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
275	K145520320006	Lường Thị	Anh	K50KTM.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
276	K145905218001	Ma Công	An	K50KXC.01	CNGHEODT	726.000	5	3.630.000	
		Cộng						**1.001.880.000**	

Bằng chữ: Một tỷ không trăm linh một triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.

NGƯỜI LẬP	PHÒNG CTHSSV	PHÒNG KH-TC	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Vũ Thị Thu	ThS.Nguyễn Tiến Dũng	Nghiêm Văn Tiền	PGS.TS. Trần Xuân Minh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP